TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2019/QĐST-DS	*Đông Hòa, ngày 24 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 263/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà M - Sinh năm: 1960;

2. Chị P – Sinh năm: 1991;

3. Chị H – Sinh năm: 1994;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;

4. Chị L – Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Tổ B, đường Y, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Chị L, chị P, chị H ủy quyền cho bà M đại diện theo văn bản ủy ngày 19/11/2018.

Bị đơn:

1. Bà A - Sinh năm: 1963;

2. Ông T – Sinh năm: 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên;

Ông T ủy quyền cho bà A theo văn bản ủy quyền ngày 23/8/2019.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà M kết hôn với ông Q, có 03 người con chung là L, P và H. Ông Q, bà

M cùng chị L, chị P, chị H được cấp ruộng theo Nghị định 64/CP, trong đó, có thửa ruộng số 188, tờ bản đồ 26, diện tích 1.240m^2 ở xứ đồng Ba Khúc; thửa ruộng số 147, tờ bản đồ 26, diện tích 580m^2 ở xứ đồng Cổ Cò. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T *(Nay là huyện Đ)* cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số G 717303, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 2047, ngày 09/02/2001 cho ông Q. Năm 2014, ông Q chết, 02 thửa ruộng nói trên do vợ chồng bà A, ông T canh tác sử dụng.

Các đương sự thống nhất: Vợ chồng bà A, ông T trả lại 02 thửa ruộng nói trên cho bà M, chị L, chị P, chị H. Bà M có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng bà A, ông T số tiền: 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*. Hai bên đã giao nhận tiền xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà M phải chịu: 375.000đ *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại phiếu thu số 0013689 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà M còn phải nộp: 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đông Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Huệ